TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST - HNGĐ	*Kim Bôi, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HÒA BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Kiều Quang Dự

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên họp: Bà Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST - HNGĐ ngày 01/3/2023 về việc hủy kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 10/4/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị: Bùi Thị X, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1987 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm Cóc L, xã T, huyện V, tỉnh Hòa Bình

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh: Bùi Văn Ch, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1982 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm Cóc L, xã T, huyện V, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và những lời khai tại Toà án, người yêu cầu chị Bùi Thị X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn Ch trình bày:

Chị Bùi Thị X, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1987 và anh: Bùi Văn Ch, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1982, đăng ký kết hôn ngày 10/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Tr, huyện V, tỉnh Hòa Bình. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số: 01/2003 khi đăng ký kết hôn, chị Bùi Thị X khai sinh ngày 04/6/1982 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, ngày 28/02/2023 chị có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật. Tại phiên họp chị có ý kiến, do khi đăng ký kết hôn không đủ tuổi kết hôn nên chị tự ý khai tăng tuổi để đủ tuổi kết hôn, chị thay đổi ý kiến đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Bùi Văn Ch, kể từ ngày chị đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Bùi Văn Ch trình bày năm 2003 kết hôn với chị Bùi Thị X tại UBND xã Kim Tr, do thời điểm đó chị Bùi Thị X chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, nên chị X đã khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn, anh đồng ý với ý kiến của chị Bùi Thị X, đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh, chị kể từ ngày chị Bùi Thị X đủ tuổi đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm: Về thẩm quyền giải quyết việc; việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp các đương sự đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân. Căn cứ Điều 8, khoản 2 Điều 11 của Luật HNGĐ năm 2014; Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án Chấp nhận yêu cầu Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị X và anh Bùi Văn Ch, kể từ ngày các bên đủ tuổi kết hôn.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị X phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Chị Bùi Thị X có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi hủy kết hôn trái pháp luật, nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn là UBND xã Kim Tr (Nay là xã Kim B), huyện V, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết theo khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ, chị Bùi Thị X, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1987 và anh: Bùi Văn Ch, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1982, đăng ký kết hôn ngày 10/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Tr *(Nay là xã Kim B),* huyện V, tỉnh Hòa Bình. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2003, khi đăng ký kết hôn chị Bùi Thị X, khai sinh ngày 04/6/1982 để đủ tuổi được đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tuổi theo giấy khai sinh của chị Bùi Thị X, sinh ngày 04/5/1987 như vậy khi đăng ký kết hôn chị X chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại phiên họp chị Bùi Thị X và anh Bùi Văn Ch, có ý kiến do khi đăng ký kết hôn không đủ tuổi kết hôn nên chị X tự ý khai tăng tuổi để đủ tuổi kết hôn, kể từ sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc có hai con chung. Chị Bùi Thị X và anh Bùi Văn Ch đều đề nghị Tòa án Công nhận quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị, kể từ ngày chị X đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy chị Bùi Thị X và anh Bùi Văn Ch đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm chị Bùi Thị X đủ tuổi đăng ký kết hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TATC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Bùi Thị X phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 8, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị X và anh Bùi Văn Ch.

2. Tuyên bố: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa Chị Bùi Thị X, sinh ngày sinh ngày 04 tháng 5 năm 1987 và anh Bùi Văn Ch, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1982; Đều cư trú tại: Xóm Cóc L, xã T, huyện V, tỉnh Hòa Bình, kể từ ngày 05/5/2005.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị X phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp có số biên lai thu số 0005308 ngày 01/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cùng cấp có kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THADS huyện Kin Bôi;
- UBND xã Kim Bôi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Quang Dự